

16°
Indoch
1232

Mais 1900

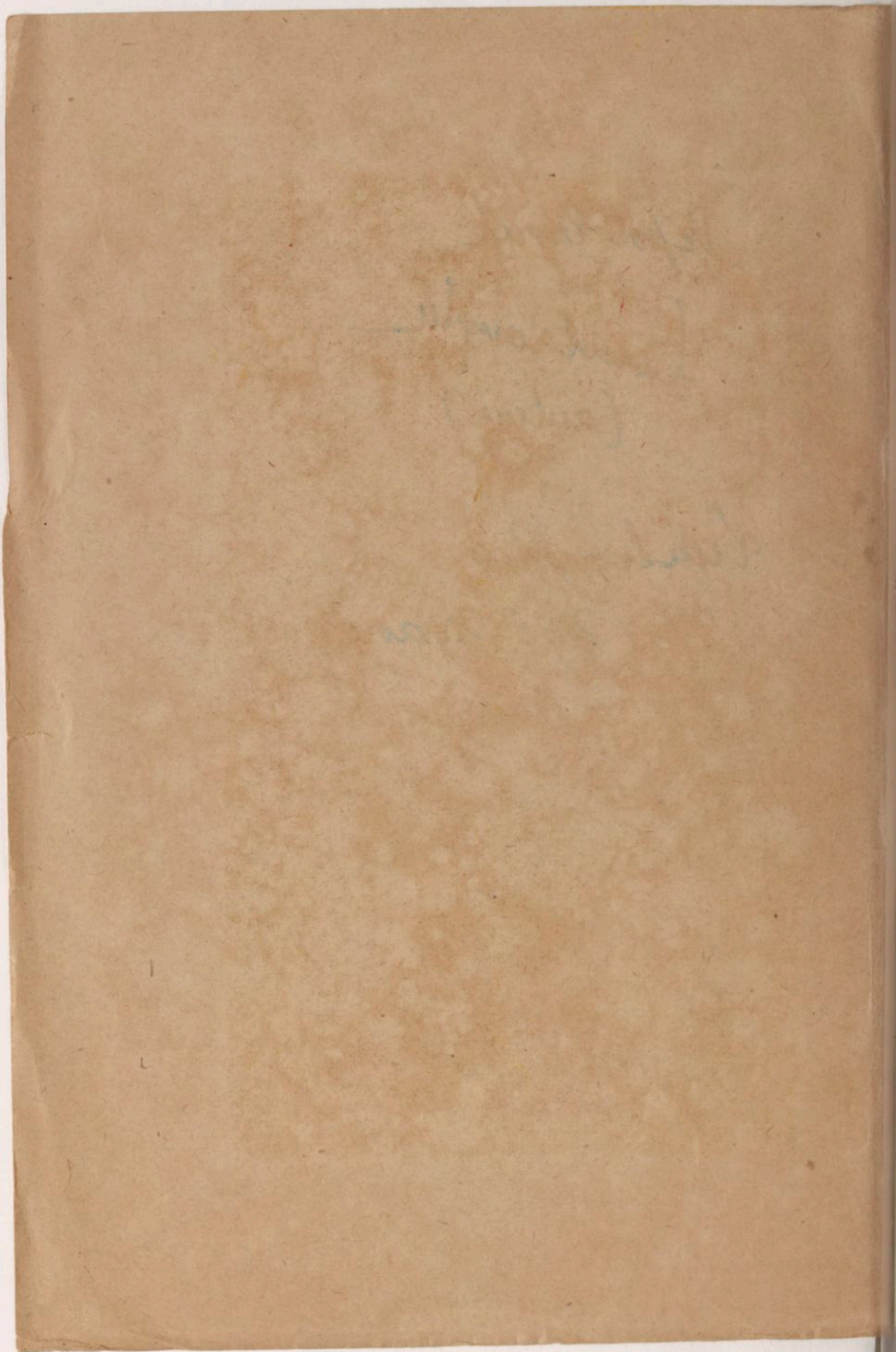


TẢN VĂN MỞI

Phan - Khôi, Nhượng - Tống, Nguyễn - Tuấn
Xuân - Diệu, Hoài - Thanh, Lưu - Trọng - Lư

THƯ'-VIÊN TO-NHU'

1232

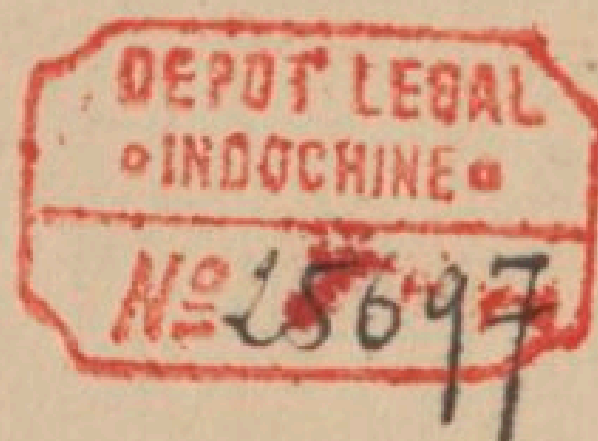


Dépot légal
L'entrepreneur
(auteur)

L'entrepreneur
Fils Ngô. Ngang
Hanoi

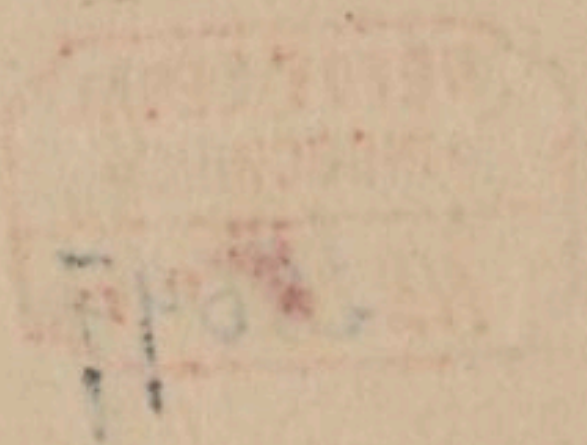
Report of
the
(author)

of the
of the
of the



TẢN VĂN MỚI

16° Indoch.
1232



LO'I TU'A

Tại sao ra tập văn này ?

Chúng tôi chỉ có cái ý muốn là cho tất cả những người đề ý đến quốc văn, có thể có một ý rõ rệt và bao quát về hiện tình quốc văn, nhất là tản văn là một lối văn ở thời các cụ ta ngày xưa còn là một thể văn phối-thai, còn khuyết điểm ... Sự nỗ-lực của các nhà văn bây giờ nhất là các nhà văn đào tạo ở trường học mới đã làm cho tản-văn trở nên một cái lợi khí rất đặc-dụng, với thời đại này là một thời đại cần có sự đầy đủ, sự nhanh-chóng, sự rõ-ràng. Tản-văn cố-nhiên không thể thay-thế được vận văn — nhưng trong một cuộc đời mà cái địa vị của tâm lòng, của tình cảm phải thu bớt lại để nhường bớt chỗ cho những sự thực mới, sự-thực phiền toái, muôn hình vạn trạng, thì tản-văn cần phải được rèn tập cho đến nơi đến chốn, mới mong có thể xứng với cái công dụng mà thời đại đã cần cho nó... Nhờ sự ảnh hưởng trực-tiếp của văn-chương Pháp, tản-văn của

ta đã mạnh-bạo, thiết-thức, sáng-sủa, gãy gọn
đó là một điều đáng mừng. Cho ra tập này,
chúng tôi cũng chỉ có cái mục đích ấy là ấn
định cái địa vị của tân văn trong văn học
cận đại... Chúng tôi bắt đầu bằng góp nhặt
một ít bản văn của các bạn quen.

Công việc ấy sẽ dần dần lan đến các văn
sĩ khác.

T.V.T.N.

BAI KY VA TICH THU'O'NG

THEO phép khoa-cử: thi hương thì trường nhất kinh nghĩa, trường nhì thi phú, trường ba văn sách. Thí sinh đậu trường này mới được vào trường khác. Thí sinh nào đậu cả ba trường mà trường nào cũng chỉ được phê «thứ», thế là sẽ liệt vào hạng tú-tài. Còn ai trong ba trường mà có một giờ lên được phê «bình» hay «ưu» thì mới vào trường tư gọi là «phúc hạch». Trường phúc hạch họa mới có người rớt; còn đỗ thì là cử nhân. Văn thể của trường tư gọi «lược bị», nghĩa là đủ mỗi thứ một chút: một bài kinh nghĩa, một bài phú ngắn, một bài văn sách ngắn.

Bởi thí-thức như thế cho nên các trường tư cũng cứ theo như thế mà luyện tập cho sĩ tử. Đại để trường nào cũng tập làm bài một tháng ba kỳ

có ngày nhất định. Như trường tôi thì luôn mười năm lấy những ngày mồng-một, hăm mốt mỗi tháng, không hề thay đổi. Ngày mồng-một thì tập trường nhất: đề ra bảy bài kinh nghĩa, năm kinh hai truyện nhưng mỗi quyển chỉ làm một kinh một truyện là đủ; còn ai có sức dư làm nhiều hơn, gọi là « kiêm-trị », càng hay. Sự đó cũng là chiếu theo thể-thức ở trường thi. Ngày mười một thì lập trường nhì; đề ra một bài thi thất ngôn luật, một bài phú sáu bân phải làm cả hai, Ngày hăm mốt thì tập trường ba; đề ra một bài văn sách giải, phần trước hỏi trong kinh sử, gọi là phần « cổ »; phần sau hỏi về thời sự, gọi là phần « kim ». Tiếng là thời-sự, chứ kỳ thực, người ra đề không hề dám đả-động một tý gì đến việc chánh-trị triều-đình cả; lúc trong trường-thi đã vậy mà lúc ở nhà tập cũng vậy, người ta chỉ chiếu-lệ ca-tụng nhà vua mà thôi. Đại khái một trăm cái đề văn-sách. cái nào về phần kim cũng hỏi: « Hoàng-Thượng » ta có tư-bẩm thông minh có đức tính hiếu đễ; từ ngày lên ngôi đến đến nay, mọi việc đều sửa trị, muôn dân được an-vui; bây giờ muốn trong nước càng thái bình hơn, thì nên làm thể nào cho được ? »

Tôi còn nhớ vào những năm đinh-dậu, mậu-tuất Thành-thái cửu và thập niên, mấy tỉnh chặng giữa Trung-kỳ mất mùa. đói kém, người ta chết đầy đường. Ngay ở Huế, quan phải làm trại kẻ chợ Đông-ba, nấu cháo mà phát chẩn hàng năm-sáu

tháng. Thế mà trong hai bài văn-sách cả khoa hương khoa hội hai năm ấy, người ta cũng cứ nói cái giọng « mọi việc đều sửa trị, trăm họ được an vui » mới nực cười cho ! Nhờ cách học và thi ấy mà lúc bấy giờ có những ông cử ông tú không biết người Tây đến xứ ta

bảo hộ nữa, dù trong đám họ có kẻ đã chinh mắt trông thấy cuộc Kinh thành thất thủ !

Mỗi một kỳ bài nghị hai ngày. Rồi đến ngày mồng ba, mười ba, hăm ba, mỗi trò phải nộp bài minh và lại đầu nghe cách. Như thế, tình ra mỗi tháng được nghỉ sáu ngày, nhưng nghỉ để làm bài vậy .

Làm bài như thế gọi là làm « bài kỳ », được đem về nhà thông thả. Còn có làm ngay ở trường trọn một ngày thì gọi là « tịch thượng » hay « nhứt lực » . Sự này tùy mỗi trường mà khác . Trường tôi cứ ba tháng làm nhứt lực một lần, mà một lần chiếm trọn ba ngày bài kỳ đã định trong một tháng. Nghĩa là trọn ngày mồng một làm trường nhứt, trọn ngày mười một làm trường nhì, trọn ngày hăm mốt làm làm trường ba, mà đều làm tại trường cả. Có khi vì có học-trò đông quá, trường không đủ chỗ cho họ ngồi, thầy cũng cò cho phép đem về nhà trọ mà làm.

Trong thời-kỳ còn đi học, tôi không lấy gì làm vui bằng gặp ngày « tịch thượng » .

Sáng sớm, ai nấy đều đã tới trường đông đủ cả. Mỗi người mang viết, mực giấy-nháp, quyền-vở và yên, tráp theo. Yên, tráp dùng để đặt quyền lên mà

viết trong khi làm bài xong. Cây viết họ thường giắt bên tai, một đầu lọt trong nếp khăn, một đầu thọc ra ngay má.

Bữa nay thì kẻ đứng người ngồi, lộn-xộn, không được tĩnh-túc như ngày thường nghe sách. Vì trước khi ra đề, ai cũng dộn-dục muốn biết là đề gì, nên đi lại, xầm-xì bàn tán với nhau.

Đề viết trên một tờ giấy bạch mà thứ giấy đại, bằng chữ chơn phương hàng sáu, rồi dán trên một tấm bảng nho nhỏ. Một người trong nhà thầy cầm tấm bảng đi ra, đứng lên ván, treo vào cái đinh đầu cột cao quá với. Tức thì người ta bù lại như kiến, đứng dưới nhìn lên mà chép theo vào trong tờ giấy nháp của mình.

Thường thường, những ngày « nhứt lực », thầy không ra mặt, như có ý để học-trò được tự-do đứng ngồi, khỏi phải thấy mình mà ké-né.

Rồi thì trên các dãy ván, đến ngoài hè, ngoài vườn, bên những bụi chuối, đâu đâu cũng có người ngồi. Họ bắt đầu cùng nhau bàn-luận về cái đề-mục cho thật chín, rồi mới khởi sự làm bài.

Nhiều anh trông miệng thì hăm hăm, hừ hừ, cái đầu thì lắc qua lắc lại hay gục xuống, ấy là có thói quen mỗi khi nghĩ bài thì làm như thế. Trong lúc ấy họ cũng hay hút thuốc, hoặc thuốc quăn giấy, hoặc quăn nguyên lá như điệu xì-gà. Một người xuống nhà dưới, kiếm một giây dứa đứt

đem vô bếp đốt một đầu, rồi đem lên để đánh thấp thuốc, vì bấy giờ còn hiểm diêm.

Nếu trong khi ấy mà có người ở một nơi nào xa lạ đến xem, họ sẽ thấy mà không hiểu làm cái gì lạ thế: hàng trăm người ngồi chung một chỗ mà người nào cũng cầm cầm cùng cục, tịnh không nói một tiếng nào.

Trưa rồi. Người nào ở gần thì chạy về ăn cơm. Còn ở xa thì có kẻ có kẻ mang cơm đến. Một số người muốn cho tiện, lúc sáng ăn cơm đi, có ép mán theo một gói, bây giờ mở ra ăn. Giữa bữa ăn người ta vẫn không chịu bỏ dở câu văn đang nghĩ quãng đũa, cầm viết, thảo lia thảo lịa. Cho xong

Xế qua, ai nấy khởi sự viết tinh vào quyển mình cao đến chiều thì đem nộp. Đến tối, ăn cơm hôm rồi mới đem nộp, tức là « ngoại hạn », thấy không thấu nữa. Nhưng qua trường ba, bài văn sách khi nào cũng dài, thì được phép đốt đèn lên viết; mà có lúc thầy rộng lượng cho kéo dài cái kỳ-hạn nộp quyển đến sáng hôm sau.

Ba kỳ nhứt-lực xong ba trường, cũng có định một ngày nữa làm lược-bị tức là trường-tư. Thế rồi xâu bốn kỳ lại má chia thứ-lờp ai đứng cao, ai đứng thấp và dán tên trên bảng, sau khi thầy chấm đi chấm lại hai lần.

Bài kỳ vậy mà nhứt-lực cũng vậy, hề thầy chấm đến ngày phát quyển ra cho học-trò là có bình văn. Cuộc bình văn cũng vui lắm.

Sáng hôm ấy, khi học trò tới đã đông, thầy giáo ra những quyển được phê « ưu, bình » cho xem. Những học trò còn kém, thường đem bút giấy theo mà biên những quyển ấy. Bài nào được trọn thì họ biên trọn; còn bài được một vài đoạn hoặc dăm ba câu, họ cũng không bỏ qua. Những bài biên lấy đó, họ đem về để dành, phòng sau có gặp những đề trùng hay tương-tợ thì họ sẽ « ăn cắp »

Hôm bình văn, thầy ra ngồi đằng hoàng như những ngày nghe sách. Trong những quyển bình ưu ấy thầy chọn một vài quyển trời hơn rồi bảo trò nào tốt giọng đọc lên. Dứt một đoạn, thầy cắt nghĩa cho nghe đoạn ấy tại sao mà được; và trong đó có điều gì đáng nói, thầy cũng nói nhân thể. Có khi thầy cho phép học-trò chỉ-trích những bài mà chính thầy đã phê « bình » phê « ưu ». Người nào có bài được đọc thì tự-nhiên là ngày ấy không khỏi làm ra hãnh-diện với anh em.

Một trường tư-thục lớn hơn trường thầy tôi xong bốn kỳ nhứt-lực rồi mà ai đầu đầu, thật cũng có danh-giá lớn lắm, không kém chi đùng đầu một kỳ hạch ở tỉnh mà người ta thường gọi là « đỗ đầu xứ ». Tôi học trong mười năm mà chỉ được đầu đầu có một lần vào năm tôi 24 tuổi. Tôi lấy nhà tôi cũng tại lần đầu đầu ấy, vì sau khi ấy, ông nhạc tôi kêu tôi mà gả con gái cho liền, tức là người vợ tôi bây giờ.

Phan-Khôi
(đi học đi thi)

CHU LAI KHO'

D ỜI XƯA, có một chàng phú-thương đi khắp thiên hạ Nước Tàu cò giàu lắm; chàng đi buôn gấm vóc, ngọc vàng. Dưới nước thì chở thuyền to; trên bộ thì dùng ngựa quý Người ta gọi chàng là chú Lái, và văn-nhân đời sau, ghi lại câu chuyện hào-hoa mặc-khách, riêng gọi chàng là chú Lái Khờ.

Khờ, bởi vì không biết giữ của.



Chàng phú-thương giàu không biết bao nhiêu mà kẻ Ngọc vàng sai khiến ở mười ngón tay. Một bước chân đi có thể bỏ rơi từng mớ châu báu. Không cần mảnh khỏe; có cái số thiên-kim vạn-bảo như số chú Lái, thì cần gì quý quyết như mọi lái buôn!

Trời đã chọn bàn tay kia mà gửi kho vàng, và chọn cái trán kia để gửi niềm tao nhã.

Của cải bốn phương chạy về chú Lái, nên chú Lái cũng vung tay hào phóng, cho sự giàu có được tản ra bốn phương. Chú Lái không tiếc với đời; lượng rộng hải hà, chú Lái vờ làm đại dột...

Với tính phong lưu như vậy, một đêm kia khách ghé chơi ở Hồng-lâu Bụi đường đã trắng áo quàng, và bước chân hồ mòn đá sỏi. Nỗi buồn của sông núi đã vào trong lòng khách; dạo xem thế giới chú Lái Khờ sâu chuyện cổ kim. Khách muốn say sưa dễ chìm trong quên lãng.



Chú Lái vào trước, những hòm vàng ngọc vào sau. Âm nhạc đã nổi lên, phòng vui chơi hương thơm sức nức. Bọn con hát múa nhịp nghê-thường. Cánh tay nở hoa, hình người hóa bướm. Sáo ngọc thồn thừ, những cặp môi anh-đào chúm lại và run. Những ngón tay hồng đón đau, vì nắm mạnh trên giây cầm sắt. Dần dần, không gian nức nở; không ai khóc cả, mà nước mắt ghen ngào trong thanh âm. Chàng phú-thương tựa gối lim dim, mê trong sâu thẳm; chàng khoan khoái thấy lòng mình loãng ra từng phút, sắp tan... Sắc đẹp hiện hình; những đào-nương trắng như hoa lải nghiêng đầu thỏ thẻ. Không phải cuộc vui; đây là cuộc mê.

Nhạc này buồn như khúc sông cong, nơi khách

gặp sương chiều bạc xóa ; tiếng sáo này hắt hiu như ngọn gió trên đường cái ; tiếng nhị hồ này âm u như đám mây đèo. Sao ở trong thanh âm, người khách-thương lại gặp cái vô cùng của cảnh vật ; tưởng như ai mang tới bên chàng cả hơi thở của nước tràng giang, cả nét mặt buồn của đồng nội vắng, cả dáng cô đơn của đỉnh núi gần trời Giang sơn đương trải trong hồn chàng, và hồn chàng có mùi sương như một buổi hoàng hôn thu Khách có phải là một lá buồn đầu ; khách là một tấm lòng thơ, trời đem dạo giữa phong trần, cho đầy thêm cái đáy sầu nào...

Chú Lái nghe đàn mà càng thêm khờ ; có ai chữa lành được cái hân vô lý mà bọn đa tình truyền cho nhau mang tự cổ kim ! Rượu đã dâng bên môi, chú Lái Khờ vờ lấy uống ; môi mềm chết điếng trong nước bồ-đào. Triều đàn dâng đến cổ, khách mặc cho hồn dạt trôi bập bênh trong sóng nhẹ của nhạc, rượu, hương, Giai-nhân mềm dẻo như những cây hoa, thay đổi trong tay du khách. Mỹ sắc nở nhiều trong khu vườn lạc : mấy mươi hoa diện lũng lơ. Ngón tay các em vuốt hộ tấm lòng anh ! và đàn đi trên phím người của ta, cho điệu cảm giác vô cùng môn trớn ! Khách không còn nhớ gì nữa ; mấy hòm châu ngọc mang cẩn thận để bên góc phòng, khách đều mặc kệ, không đoái trong nom Rượu ấm và thơm. Chú Lái Khờ uống hoài không nghỉ ; nhạc chậm chậm lại, nên bỏ bớt đi, hương ngát thêm,

người lơ lửng nữa... Chú Lái nhắm mắt, miệng mỉm cười với hồn. Chú Lái Khờ đã say, đã rất say; chú lái Khờ đã ngủ ...



Nhưng mê ly của đàn địch không được ngừng lại không khí vẫn ép êm quanh khách như một lớp nệm tiên. Chú Lái đã mê kia kia; anh chàng này đi đường hàng tháng, hàng năm, ngủ thực say như một chú lái. Áo thêu trề biếng ở trên ngực, hờ cả túi trong; sợi xích bạch-kim lộ ra ngoài xiêm, ngơ ngác một chùm khóa vàng. Bó người hoa đương xúm quanh khách, thấy mà động tâm. Bó khóa này sẽ mở cánh cửa hào quang của phú quý.

Giai-nhân lẫn sát vào du-tử, thử-xem chú lái thực say chưa. Và chú lái đương say khờ cả người nằm rất im, để tiệc chìm vào tịch mịch. Bọn hồng-phấn đã sờ tay vào khóa vàng, mỗi người đã được một chìa khóa. Nhẹ nhàng, rón rén, nhưng tha hồ lấy, khi cá kho đã mở ra. Đây là the, mỏng như ánh sáng; đây là gấm, đẹp như vườn hoa; đây là trầm; đây là xạ. Đây là mã não, hồ phách. Đây là ngọc: ngọc bích, bạch ngọc, ngọc huyền, ngọc trai. Và đây là vàng là vàng! và đây là bạch kim và đây là vàng nữa. Biết bao nhiêu là giàu là đẹp! Ngà trau truốt ngọc dất thêu mời giai nhân chọn thứ quý nhất mà lấy ...

Và giai nhân thấy được dễ dàng quá, khúc khích cười. Chú Lái thực là một anh khờ, không biết phòng ngừa, không chịu cần thận; ngọc trai đã mất, bao giờ về Hợp Phố nữa đâu!

Chú Lái còn say. — chú Lái tự say, chứ rượu làm say sao được chú Lái! Chú vẫn tỉnh nhưng chú muốn khờ. Ồ, lòng khách vui cười biết bao, khi hé mắt vừa cho vài sợi ánh xanh lọt vào, và thấy các em bé thơ ngây diễn trò hỗn độn! khách sung sướng như có ai đánh, nhắm mắt, rồi lại hé xem; và tiếc thắm: « giá họ lấy được hết! »

Người đẹp đã thu kỹ lưỡng, khóa vàng lại buộc vào bên xiêm. Những đóa tay hồng lại vuốt ve trang hoàng tử. Chú Lái bỗng bừng mắt và gọi rượu Chén thơm dốc cạn môi đầy tê mê; dốc cạn chén thơm hồn như óan thần say điên vui đại hòa lẫn trong lòng ngây ngất của người khờ. Chàng cười như một bậc vua, đưa tay lên ngực lẫn vào lớp áo sát gia người nơi chỗ trái tim và rút ra một bao găm nhỏ đây là kim cương! chàng ra hiệu một ngón tay bảo thêm rượu đàn hương rồi lấy cho mỗi người một ngôi-sao-động Cửa trần bảo ấp-in bên ngực Chú Lái Khờ, trong một cơn yêu dấu, đã thả cho lũ người.

Sớm mai, Chú Lái Khờ đi, như không biết chuyện gì cả, mím miệng hàn hoan như một vị phật. Hòm rượu tuy nhẹ, nhưng tài trí không với, thì Chú Lái còn buồn nỗi chi!



Người Thi Sĩ cũng khờ như Chú Lái, không hề giấu kho vàng ngọc với nhân gian. Để mắt trời xanh, nên người phải tìm uống trong mắt biếc. Người đời cười là ngu dại; kẻ mắt của có khôn bao giờ!

Thi Sĩ ghé vào nhân gian, trọ một vài đêm, tìm đôi an ủi. Lòng để ở ngoài ngực, tay thờ ơ hay là tay ham hố, tay nào đến cũng lấy được ít nhiều ngọc châu. Và họ lấy chưa vừa ư thì người thi sĩ sẽ tự tay lấy vào cái cõi sống của mình để mà phân phát.

Xuân Diệu

KHỐC NGU'ỒI DỒI XU'A

Có người hỏi Thánh- Thán rằng:
Sao anh lại phê-bình và xuất-bản vở « Mái-
Tây » ?

Thánh - Thán dẫu dẫu nét mặt, đứng dậy mà
hứa rằng:

Trời ơi ! Tôi cũng không biết là tại sao ! Nhưng
cừ lòng tôi nghĩ thì thực không thể không làm được !
Từ xưa đến nay, cuộc đời man mác, ta có biết là
bao nhiêu vạn-vạn tháng và năm ! Bao nhiêu vạn-
vạn tháng và năm ấy, đều như mây, như nước, như
chớp như gió, đi hết cả rồi ! Cho đến, tháng này
năm này mới tạm có ta ! Cái ta tạm có đó rồi cũng
đi mau như mây, như nước, như chớp , như gió.
Nhưng cũng may mà còn tạm có đây ! May mà còn

tạm có đây, thì ta biết tìm cách gì mà chơi cho giải-trí ? Cho nên trước đây tôi cũng đã có muôn làm một đôi việc. Nhưng nghĩ lại, hãy chưa kể có làm được hay không, hãy chưa kể có làm được xong hay không, cho đến dù làm được nữa, dù làm được xong nữa, nhưng biết đâu cái làm được, cái làm được xong ấy lại không như mây, như nước, như chớp, như gió, rồi cũng đi hết cả? Chưa làm thì còn. Làm rồi thì nó đi mất ! Làm như vậy có phải là vô-ích lắm không ! Thế thì tôi còn có thích gì làm ! Nhưng nếu thực lòng không thích làm gì, thì sao không như mây, như nước, như chớp, như gió, giây lát đi ngay, mà lại còn cho được tạm có đây là may lắm ! may lắm ! Bực thật ! tức thật ! Tôi biết tìm cách gì mà chơi cho giải-trí đây ? Nghĩ kỹ ra thì tôi bây giờ bực tức thế nào, chắc trước tôi, người đời xưa cũng bực tức như thế ! Chỗ tôi ngồi hôm nay biết bao nhiêu người đời xưa đã ngồi trước tôi ! Chỗ tôi đứng hôm nay biết bao nhiêu người đời xưa đứng trước tôi ! Người đời xưa ngồi đây, đứng đây chắc cũng như tôi hôm nay. Thế mà hôm nay chỉ thấy có tôi, chứ không thấy có người đời xưa nữa ! Người đời xưa, lúc bấy giờ tất cũng ngẫm biết đến nông-nỗi đó. Nhưng lại biết rằng không thể làm thế nào được, cho nên không nói làm chi ! Những người ấy họ thực không biết oán trời : Sao lại bắt nhân đến thế. Ừ ! Đã sinh ra ta thì cho sống mãi ! Nếu không được thế thì thà rằng đừng sinh !

Cớ sao đời vốn không có ta, ta lại không hề van lạy
đề cầu sinh ra đời, thế mà không rung lại sinh ra
ta ? Không rung lại sinh ra chính ta đây ? Đã không
dưng sinh ra chính ta đây, lại không cho dừng lại
ở đời ? Mà cái giống không rung sinh ra, lại không
cho dừng lại đời ấy, lại là giống rất dễ buồn, dễ
cảm, dễ thấy lòng xót-xa ? Chao ôi ! Chao ôi ! Tôi
thực không biết chỗ nào là tuổi vàng. và làm thế
nào để sống lại được người thiên cổ ! Thì những
người ấy, biết đâu không cũng cùng tôi cùng chung
một bầu nước mắt, cùng thất thanh mà khóc cho
đời ? Nhưng người đời xưa lại có những tài-tình và
học-thức gấp mười ta ! Họ cho rằng không phải trời
có bất nhân-đâu ! Chính trời cũng không biết làm
thế nào được đấy ! Bảo rằng đừng sinh, thì sao gọi
là trời ? Đã trót là trời thì không sinh sao được !
Bảo trời kia không sinh không được cái đó thực có
lẽ ! Nhưng bảo trời kia không rung sinh ra ta, cái đó
có đúng lẽ đâu ! Trời sinh ra giống người, nào trời
biết ai vào với ai ! Giống người bị trời sinh ra, nào
giống người có tự biết mình là ai ! Nếu bảo kẻ trời
sinh ra hôm nay là ta, thì kẻ trời sinh ra ngày mai
tất không phải là ta. Thế nhưng những kẻ trời sinh
ra ngày mai, kẻ nào kẻ nấy đều tự coi mình là ta !
Như thế thì trời cũng đến phải vô-vấn mà không
biết nói về ai nữa ! Trời kia thực chưa hề sinh ra
ta, chẳng qua sinh ra mà ngẫu-nhiên là ta thế thì
sinh ra ta, ta cũng đành lẽ mặc cho đời ta nó đi mau

như mây, như nước, như chớp, như gió! Trước kia sinh ta đã thấy; Sau này đi, ta cũng mặc; Lòng ta không tiếc rẻ gì cả. Nhưng trong khoảng đó, ta còn tạm có, thì trong khi không có cách gì giải-trí, cũng tùy-tiện tự mình giải-trí mà chơi! Như Giacát-Lượng trồng tám trăm gốc dâu, vác cây, cấy ở Nam-dương, sống cho đoạn tháng qua ngày, thế cũng được. Thế cũng là một cách chơi! Sau đó nể lòng Công Tiên-chúa, ra sức giúp vi, ăn ít làm nhiều đến chết mới chịu, thế cũng được. Thế cũng là một cách chơi! Như Đào-Uyên-Minh không chịu luồn cúi, bỏ quan về ngay nhà, thế cũng được! Thế cũng là một cách chơi! Sau đó ba ngày một bữa, đôi đầu gối phải bò, gõ cửa xin ăn, mong chơi rồi sẽ trả nghĩa, thế cũng được! Thế cũng là một cách chơi! Vua chúa hẹn làm thông gia, trăm quan đều là môn-hạ, trước mặt trống dong cờ mở, sau lưng đàn ngọt hát hay, thế cũng được! Thế cũng là một cách chơi! Ngày nắng ăn lưng cơm lứt, đêm nằm sương dười gốc cây, giảng bốn vạn tám nghìn cuốn kinh, độ hằng-hà sa-số người đời, thế cũng được! Thế cũng là một cách chơi! Tại sao vậy? Tại ta vốn không phải là ta! Lúc ta chưa sinh, đã không phải là ta. Lúc ta đi rồi, cũng không phải là ta nữa! Thế thì cái ta tạm có đây, thực cũng không phải là ta. Đã không phải là ta, ta còn muốn có chuyện làm chi? Nhưng đã không phải là ta, có chi ta lại không muốn có chuyện? Nếu ta còn mong chính là ta, thì

ta quyết không nên nhầm chút nào cả. Nhưng ta đã chắc không phải là ta, thì sao ta lại chẳng mặc cho có khi nhầm, có khi bé cái nhầm nữa không sao? Không phải ta mà nhầm tưởng là ta, cái đó cố nhiên nhầm. Nhưng đó là cái nhầm của không phải ta chứ không phải của ta! Có khi ta còn nhầm nữa, hết sức tôn trọng, hết sức giữ gìn cho cái ta ấy, đến nỗi phải khóc than rên rĩ, cái đó cố nhiên nhầm to. Nhưng đó là cái nhầm to của không phải ta, chứ không phải của ta! Có khi ta còn nhầm hơn hế nữa, đến cố lo, cố nghĩ, làm thế nào cho cái ta ấy còn để lại chút dấu vết, muôn kiếp, nghìn đời, nhắc đến mãi mãi. Cái đó cố nhiên nhầm to lắm. Nhưng đó là cái nhầm to lắm của không phải ta, chứ không phải của ta! Đã biết như thế rồi thì lấy thì giờ của không phải ta, đem cho ta lần lữa cũng được! Lấy tài tình của không phải ta, đem cho ta vung phí cũng được! Lấy tay trái của không phải ta, nhầm vì ta mà xoa bụng cho không phải ta cũng được! Lấy tay phải của không phải ta, nhầm vì ta mà vuốt râu cho không phải ta cũng được! Không phải ta soạn ra, ta ngâm chơi! Không phải ta ngâm lên, ta nghe chơi! Không phải ta nghe vào, ta khoa tay múa chân chơi! Không phải ta khoa tay múa chân, ta tìm cách làm cho nó còn mãi mãi chơi! Cũng đều cho là được cả! Nghiên ta không biết nó là cái gì, nhưng ai cũng gọi nó là cái nghiên, thì ta gọi nó là cái nghiên ừ cũng được! Mực, ta

không biết nó là cái gì... Bút, ta không biết nó là cái gì... Giấy, ta không biết nó là cái gì... Tay, ta không biết nó là cái gì... Trí-nghĩ, ta cũng không biết là cái gì... Nhưng ai cũng gọi nó là thế, là thế, thì ta cũng gọi nó là thế, là thế, ừ cũng được! Cửa mở, ghế lau, chỗ nào đây? Người bảo là chỗ này thì ta cũng ừ rằng chỗ này! Gió mát, trời sáng hôm nào đây? Người bảo là hôm nay thì ta cũng ừ rằng hôm nay! Con ong bay lên qua song. Con kiến bò lần trên ngưỡng cửa. Ta không quen nó, nó cũng chẳng biết gì ta, Ta hôm nay mà còn tạm có, thì nó cũng còn tạm có đây. Ta bỗng chốc hoá ra người đời xưa, thì nó cũng hoá ra con ong đời xưa, con kiến đời xưa đấy. Hôm nay, gió mát, trời sáng, cửa mở, bàn lau, bút tốt, nghiên đều, lòng ta nghĩ văn, tay ta viết văn, nhớ ơn ong, kiến lại chơi, để chứng quả cho duyên may lạ đời, cuộc vui hiếm có này! Đến như người đời sau có đọc đến bài văn ta viết hôm nay, thì thật họ có biết đâu lúc ta viết đoạn văn này lại có con ong ấy cùng con kiến ấy! Nếu người đời sau họ đã không thể biết được ta hôm nay làm bạn cùng con ong ấy, con kiến ấy, thì rút lại họ cũng không thể biết được hôm nay lại có ta đây! Nhưng người đời sau họ đọc văn ta thì ta biết họ rồi! Chẳng qua cũng vì cuộc đời như mây như nước, như chớp như gió, họ không làm thế nào được, cho nên cực chẳng đã mới đọc văn ta để giải-trí mà chơi! Mà dù lòng có thản nhiên,

không mượn văn ta để giải-trí nữa thì rút lại ta cũng biết họ rồi ! Vì rút lại họ cũng có làm thế nào được cho cuộc đời khỏi đi mau như mây, như nước như chớp, như gió. Tôi đã biết rõ ràng nhăm cũng cũng là một cách chơi; không nhăm cũng là một cách chơi: Không nhăm cũng cứ nhăm chơi; ấy cũng là một cách chơi ! Vì thế cho nên tôi phải dụng công. Dụng công là muốn cho văn sâu sắc. Muốn cho văn sâu sắc đó là tôi ngông chơi ! Tôi ngông là vì tôi hiểu thấu rồi ! Tôi hiểu thấu rồi nghĩa là tôi làm ra không vì cớ gì cả ! Tôi làm ra không vì cớ gì cả, ấy tức là cách tôi giải-trí, tôi có cần gì người đời sau biết có tôi, không biết có tôi ! Chao ôi ! Vì thế mà tôi muốn khóc những người đời xưa, tài tình học thức còn gấp mười tôi ! Những người ấy không biết là người nào, nên tôi mới phê bình và xuất bản văn họ, tức tôi khóc họ đấy ! Nhưng tôi khóc người đời xưa má thực không phải khóc người đời xưa ! Đó chẳng qua lại là một cách giải-trí của tôi !

TANG NGU'O'I DO'I SAU

Sinh trước ta là người đời xưa. Sinh sau ta là người đời sau, có giống nhau không? Xin thưa rằng cũng thế cả! Người đời xưa không biết mặt ta. Người đời sau cũng không biết mặt ta. Đã không biết mặt ta thì đều là người rung cả. Cho nên bảo rằng « Cũng thế cả » là thế. Thế nhưng tôi lại chợt nghĩ lại : Người đời xưa không biết mặt ta, thế mà không ngày nào là ta không nghĩ đến họ. Người đời sau cũng không biết mặt ta, thế nhưng ta thực chưa hề nghĩ đến họ bao giờ.

Suy thế ta không ngày nào không nghĩ đến người đời xưa, thì biết người đời sau họ sẽ nghĩ đến ta, chắc thế! Suy như ta chưa hề nghĩ đến người đời sau bao giờ, thì biết người đời xưa họ cũng chẳng nghĩ gì đến ta, lẽ đó rõ ràng lắm ! Như

vậy thì người đời xưa với người đời sau có khác nhau xa! Vì rằng người đời xưa, chẳng những không biết mặt ta, lại còn không thêm nghĩ gì đến ta, như vậy thì ta có thể cho là người rung thật được! Đến như người đời sau, tuy không biết mặt ta, nhưng nghĩ đến ta nhiều lắm. Không biết mặt ta, có phải lỗi họ đâu, họ không làm thế nào được đấy! Nhưng họ nghĩ đến ta nhiều lắm, họ đối với ta thật có tình thân thiết, có sao ta lại coi họ là người rung? Cho nên không thể không có cái gì để làm quà cho họ! Nhưng làm quà cho họ bằng cái gì?

Người đời sau tất nhiên thích đọc sách. Đọc sách tất phải nhờ ánh sáng. Có ánh sáng soi vào sách, sách mới có thể đọc được? Tôi nguyện được làm ánh sáng để làm quà cho họ. thế nhưng mặt trời, mặt trăng vốn đã sẵn có. Tôi lại không thể ép mình ra làm dầu, làm mỡ được! Biết làm thế nào?

Người đời sau đã thích đọc sách, đọc sách tất phải thích có bạn. Bạn là người bỗng chốc đến, bỗng chốc đi, bỗng chốc không đi, bỗng chốc không đến! Ta đọc mà thấy khoan khoái thì ta đọc cho bạn nghe. Bạn đọc mà thấy ngờ thì bạn đọc cho ta nghe. Rồi đến lúc cùng đọc cùng nghe. Rồi lại đến lúc không đọc nữa, cùng ngồi mà cùng nhau vui cười. Tôi nguyện được làm người bạn ngồi, cùng đọc, cùng nghe, cùng cười để làm quà cùng cho họ. Thế những lúc tôi còn thì người

đời sau chưa kịp đến. Đến lúc họ đến thì tôi có còn đâu! Biết làm thế nào?

Người đời sau đã thích đọc sách, lại thích có bạn thì tất nhiên cũng thích cả núi cao, sông rộng, cây lạ, hoa tươi. Núi cao, sông rộng, cây lạ, hoa tươi, tức là bản phụ của hàng vạn cuốn sách đọc vào trong bụng! Lúc đương đọc sách, chẳng khác gì như lên non cao, như chơi sông rộng, như xem như biết hoa tươi. Mà khi lên non cao, chơi sông cây lạ, rộng, xem cây lạ, bứt hoa tươi, cũng chẳng khác gì đọc lại những cuốn sách đã đọc vào trong bụng!

Người đời sau đã thích bọc sách, lại thích có bạn, thì tất nhiên cũng thích cả hương thơm, chè ngon, thuốc hay, rượu ngọt. Hương thơm, chè ngon, thuốc hay rượu ngọt, là những món giải trí trong khi đọc sách có rồi, để cho khuây khỏa buồn bực, sáng láng tinh thần tâm bồ lấy hình hài, di dưỡng lấy tình tính?

Tôi nguyện được hóa thân làm trăm nghìn thứ, đã hóa làm núi cao, sông rộng, cây lạ, hoa tươi, lạ hoá làm hương thơm, chè ngon, thuốc hay, rượu ngọt, để làm quà cho họ. Thế nhưng tôi hoá thân trước mà người đời sau sinh sau, họ có biết đâu đó là những món tôi hoá thân ra nữa! Biết làm thế nào? Người đời sau đã thích đọc sách, tất phải thích có cô bạn tri-kỷ. Cô bạn tri kỷ là người mưa chiều, sương sớm, ngồi kề một bên, khi ở cùng ở khi vui

cùng vui, thân tuy hai mà lòng là một. Tôi nguyện kiếp sau được lộn mình làm cô bạn tri kỷ, mưa chiều, sương sớm, ngồi kề một bên, để làm quà cho họ. Thế nhưng khi cho hoá làm gan con chuột, khi bắt hoá làm cánh con ve, cọn Tào ghê gớm kia, nào biết sẽ để tôi lộn làm kiếp gì? Biết làm thế nào?

Cực chẳng đã, thì có cách thế này: Tôi lựa lấy một món ở trong đời, mà xem chừng tài sức nó có thể còn mãi đến đời sau... Lựa lấy một món ở trong đời, xem chừng tài sức nó có thể còn mãi đến đời sau, nhưng từ trước đến giờ, chưa ai là người biết đến... Lựa lấy một món ở trong đời xem chừng tài sức nó có thể còn mãi đến đời sau, nhưng từ trước đến nay chưa ai là người biết đến, mà tôi có thể đem hết tài hết sức để góp công vào đó may may... Ở trong đời, cái món tài sức có thể còn mãi đến đời sau, tất phải là sách... Sách trong đời, tài sức có thể còn mãi đến đời sau, mà từ trước đến nay, chưa ai là người biết đến, tất phải là vở « Mái-Tây » ! Sách trong đời, tài sức có thể còn mãi đến đời sau, nhưng từ trước đến nay, chưa ai là người biết đến, mà tôi có thể đem hết tài hết sức để góp công vào đó may may, tất phải là vở « Mai Tây » mà tôi phê bình đây ! Tôi sở dĩ phê-bình vở Mái Tây, chính là cảm tấm lòng người đời sau nghĩ đến tôi, mà không có gì làm quà cho họ, nên cực chẳng đã, tôi đành phải dùng cách ấy. Còn đến như sơ-tâm người viết vở « Mái Tây » có như thế hay không thì tôi đâu có

biết! Nếu cũng như thế, thì có thể cho là bây giờ đời mới thấy có vở « Mái-Tây »! Nếu không như thế có thể nói rằng trước kia đời vẫn thấy có vở « Mái-Tây », nhưng bây giờ đời lại mới thấy có vở « Mái-Tây », của chàng Thánh-Thán. Tóm lại là tôi muốn làm duyên với người đời sau, đôi chút, chứ nào phải có hoài công sức mà làm việc cho người đời xưa!

Nhượng-Tông.

MÁI TÂY

MỘT hôm gần đây, tôi về thăm bạn tôi là ông Nhượng-Tống ở một làng hẻo-lánh giữa Hà-Nam và Nam-Định. Bạn tôi là một người đã từng hoạt - động nhiều, nhưng khi còn ở chốn xa-xăm hay khi « về vườn » (mà sao tôi không gọi được thế?), bạn tôi vẫn tỏ ra là một thí-sĩ có nhiều tài, một thi sĩ bình-dị và trong trắng. Hiện nay, an-nhàn như một kẻ dật-sĩ, bạn tôi nằm dịch nhưng ánh văn cổ như *Ly Tao*, *Hồng Lâu Mộng*...

Bản văn bạn tôi vừa dịch xong, chính là bản *Tây Sương-Ký*. Lẽ ra tôi đọc ngay lúc ấy cho thỏa lòng bấy lâu mong-ước, nhưng gặp nhau có một đêm, chúng tôi còn phải nói với nhau những chuyện khác. Tôi bình-sinh tuy không được đi nhiều, nhưng có điều này rất lấy làm tự đắc là không phải bao giờ

cát chân đi cũng là vì một « đại-sự », nghĩa là không phải có « đại-sự » tôi mới nghĩ đến sự xê-dịch... Thường thường, một mình tôi băng hàng mấy trăm cây số để viếng cảnh đẹp hay là chẳng đẹp, đi hàng chục cây số để tới thăm một người bạn thân hay là chẳng thân. Được nói chuyện một đêm với bạn, sáng ăn một bữa cơm rồi lại ra về, thế cũng đủ lấy làm hoan-hỷ... Chúng tôi đã nói về văn-chương, về thời-thế và về cả việc kinh-doanh nữa... Nhưng có một điều là chúng tôi không nói đến *Tây-Sương-Ký*. Có lẽ bạn tôi muốn dành hết cả sự bất ngờ cho tôi trong khi đọc sách.

Hai hôm sau, tôi mở sách ra đọc — một bản thảo gần 250 trang ! Thú thật, lúc mở sách ra, tôi hơi cảm-động, cảm-động như khi được nói chuyện lần thứ nhất với một người tình-nhân. Sự cảm-động ấy dần dần tiêu-tán hết... Đọc gần nửa cuốn sách, tôi luôn luôn như phải nén giữ sự cảm-giận của tôi. Đã nhiều lần tôi nói lầm-bầm : « Sách xoàng quá ! Thế mà cả nước Tàu đều thán-phục, thì thật là một sự điên-rồ chưa từng thấy... » Thực ra trong hơn trăm trang đầu ấy, cũng có một vài đoạn hay, nhưng cái hay không đủ kéo lại cái sự bằng-phẳng, nhạt phèo của các đoạn khác... Hôm đầu, tôi đành bỏ dở sự đọc, thất-vọng vô cùng... Tôi nói một mình : « Cái anh Nhượng-Tổng kể cũng thừa công và rồi việc thật ! » Có lúc tôi muốn ngờ rằng : hoặc giả người dịch bất-tài không lột được nguyên-văn

chăng ? Nhưng tôi thiết nghĩ sự bất-tài của người ta cũng có hạn, cái anh Nhượng-Tống có dịch sai hay dịch kém đến đâu, cũng không thể làm hại người xưa đến thế . . . Còn như cái nhà phê-bình Thánh Thán múa tay, múa chân, đọc câu văn nào cũng lấy làm đặc ý, thì nghĩa làm sao ? Có khi, một chữ một câu đủ làm cho văn chương ông ta tuôn ra như sông dài biển cả, nhưng lại có khi. ông chỉ phê có một chữ: « Hay ! » hay « Tuyệt ! » Tôi nghĩ : « Anh này cũng lại chỉ là một người điên mà thôi » Nhưng người ấy mà điên thì trong cả nước Tàu ai lại là không điên ? Đọc đi đọc lại những lời phê của Thánh-Thán, tôi không thể nào tin được rằng nhà phê-bình ấy là giống dễ có ở đời, như thường đã sản-xuất ở nước vào khoảng năm 1935, 1936. Thánh-Thán quả là một nhà văn sáng-suốt, tài-bộ, sâu-sắc, và phong-nhã. Một nhà văn tiêu-biểu cho cái tinh-thần tráng-khiến, xuất-sắc, có nét, có cạnh, của nước Tàu ... Nhiều đoạn văn của Thánh-Thán có thể ký tên: Pascal. Ta hãy thử đọc vài đoạn nhỏ về văn Thánh-Thán, ở chỗ nói : « cái rất nhỏ .. », ở chỗ nói : « núi Khuông lư », ở chỗ nói : « dân-thư » thì rõ. Đó là những đoạn văn hay trong những đoạn văn hay nhất mà tôi thấy nhan-nhãn trong những lời phê-bình của Thánh-Thán. Nhưng tôi sợ đó chỉ là những đoạn văn hay mà thôi, và không thể là những lời phê-bình đúng.

Tôi cho rằng: Thánh Thán chỉ mượn Tây-Sương một cái cớ để nói chuyện với người đời sau như trong bài tựa đã nói, và tôi lại cho rằng: vở kịch Tây-Sương không xứng với lời phê của Thánh Thán. Nhưng tôi có thể nào đọc dở một tập sách danh-tiếng như thế không? Và có nên lên án ngay khi chưa xét hết tập hồ-sơ không?

Hôm sau, tôi lại mở sách ra, đọc nốt ...

Vẫn một đôi cái xoàng-xĩnh, nhạt-nhẽo ban đầu, nhưng tôi biết từ đây đã xen vào một cái gì, một thứ ánh sáng mới, một sức mạnh huyền-diệu ... Tôi bắt đầu bị lôi cuốn. Bên cạnh văn « Mái Tây » tôi cũng vẫn đọc những lời phê của Thán, và đã lo cho tài của Thán không xứng với Tây-Sương. Đã 12 giờ đêm ... tôi vẫn ngồi đọc! Mỗi phút mỗi trang đã đưa lại cho tôi một thú-vị, một sự bất-ngờ. Tôi đã hiểu thế nào là Tây-Sương thế nào là cái hay của Tây-Sương, và tôi không cần lời phê Thánh Thán nữa. Tôi chăm-chú, tôi thành-kính đọc có một thời hết vở kịch. Khi gấp sách lại, như có một ngọn gió lạnh thổi qua tâm-hồn tôi. Tôi mới hiểu tại sao người xưa lại sợ, không dám đọc những thơ hay trong lúc đêm vắng.

Bây giờ tôi đã hiểu rồi ... Lời tựa của Lý Trác-Ngô có lẽ không nên có, cả lời phê của Thánh-Thán có lẽ cũng là thừa... Duy có lời dịch của Nhượng-Tổng thực là nên có. Vì, dầu muốn tiến theo ngã nào, người Việt-Nam cũng không thể không biết

đến những áng văn như Tây-Sương-Ký Ta đã biết cái tư-tưởng thiết-thực của Khổng-Mạnh, ta đã biết cái triết-lý bóng bẩy của Lão-Trang, ta lại cần phải biết cái thi-vị huyền-diệu của Tỳ-Bà của Tây-Sương, của Ly-Tao. Chuyển dịch một tư-tưởng từ tiếng này qua khác, không khó, nhưng chuyển dịch một câu văn hay từ tiếng này qua tiếng khác, thật quả là không dễ. Nhượng-Tổng dịch Tây-Sương kể cũng đã xúng với cái công việc mà mình đã tự ủy thác cho mình. Vì không những là một nhà nho, Nhượng-Tổng còn là một thi-sĩ nữa.

Vậy thì « Mái-Tây » (Tây-Sương-Ký) là thế nào ? Nó chỉ là một vở kịch không phải để diễn, mà cốt để đọc, nó là « một tắc lòng lưu lại nghìn sau », như lời Lý-Trác-Ngô đã nói.

Cái tắc lòng ấy là một câu chuyện tình đã xảy ra ở mái tây ngôi chùa Phắc-Cứu, một ngôi chùa công đức của Đức Bà Võ Tắc-Thiên. Cảnh chùa có một biệt-thự của một vị tể-tướng họ Thôi. Thôi tướng-công xây cái biệt-thự ấy để làm nơi dưỡng-lão ; không ngờ trời chẳng độ, tướng công chết ngay hôm lạc-thành biệt-thự. vì thế cả nhà ở lại chùa, chịu tang. Thôi tiểu-thư cũng ở lại; một hôm nàng ra sân chùa đứng chơi, tình cờ gặp Trương Quân-Thụy là một thư-sinh con quan, có trí lớn, vừa phiêu-lưu vừa cầu học. Thôi Oanh-Oanh là một người đẹp. Mà Trương Quân-Thụy là một khách tài-hoa. Cả tấn kịch ở « mái tây » là ở đó. Quân-Thụy cảm Oanh-

Oanh ngay từ phút đầu nên cố xin ở lại chùa trọ học, cốt để cho gần Thôi Oanh-Oanh. Nhưng thực ra, chàng đã tính lầm :

Tuy trong gang tấc mà nghìn quan-sơn. . . ,

Càng gần, chàng càng thấy xa Oanh-Oanh. . . . Trong thời-gian ấy thì không biết bao việc nữa đã xảy ra. Giặc vây chùa, đòi lấy cho được Oanh-Oanh. Mẹ Oanh-Oanh trong lúc khốn-nguy, hứa gả cho kẻ, nào có thể cứu nguy được cho nhà mình. Người ấy, than ôi ! không ngờ lại là Trương Quân-Thụy, nhưng một khi nguy đã hết rồi thì lời hẹn xưa cũng bị quên đi. Mẹ Thôi Oanh-Oanh không muốn gả nàng cho Quân-Thụy nữa, chỉ bằng lòng cho hai người kết làm « anh em » mà thôi. Thôi Oanh Oanh, cũng đau-đớn như Quân-Thụy về sự lỗi hẹn nhưng nàng vẫn tỏ ra là người con nhà nề-nếp, phải giữ giá cao ... Tất cả sự khỗ-sở, « gian-truân » của kẻ si-tình là ở chỗ này. Nhưng cuối cùng lễ-giao cũng không giữ được lòng người. Một hôm, thôi Oanh-Oanh để mình trôi theo giòng tình-ái. Nàng tìm tới Trương Quân-Thụy, và hiến cả tấm lòng trinh-bạch mà xưa nay nàng vẫn gìn-giữ cho chàng. Việc ấy đến tai mẹ, nhưng biết làm thế nào ! Mẹ nàng cũng đành để cho hai linh-hôn ấy tác-hợp với nhau vậy ... Nhưng bà không muốn rề bà chỉ là một chàng áo vải. Vì thế, giữa ngày ân-ái, đã diễn ra cảnh sinh-ly. Chàng phải vào kinh chạy theo công-danh.

Sự đau buồn của hai người thật đã đến chỗ bút không đến được, trừ ngọn bút của tác-giả :

Bầu trời trời thăm thăm xanh lơ, Đìu hiu mặt đất,
lơ-thơ hoa vàng. Gió tây thổi buốt can-tràng, Về
nam, cái nhạn Bắc, kêu thương lạc-loài.

Rừng sương ai nhuộm đỏ tươi?

Phải chăng nước mắt của người biệt-ly?

Tơ liễn dài, dài có ích chi?

Buộc sao được gót ngựa phi dậm trường!

Xum vui sao khéo muộn màng? Chia lìa sao khéo
vội vàng, xót xa?

Rừng thưa ơi! có thương ta, vì ta, rừng níu bóng
tà lại nao! Ngựa kia, chậm chậm chứ nào! Xe này
liều liệu theo vào cho mau. Tương-tư vừa mới qua
cầu, Biệt-ly lại chuốc mối sầu mang mang...

Chợt nghe một tiếng « Lên đường? » Rụng rời tay
ngọc, xuyên vàng rộng thênh.

(Tây Sương-Ký)

Đó là nỗi buồn mênh mông trong lòng kẻ đi,
người du-lịch thiên vạn cổ. Nhưng mà thật ra, một
khi vừa rút áo, cái buồn mới bắt đầu... Mà cuộc ly-
biệt ấy là một cuộc ly-biệt lâu dài như trời đất, mà
đi một đoạn đường, lại thấy diễn thêm một lần ly-
cách. Tuy rằng ly-cách, mà nào có rời được nhau ra
Từ đây, trong đêm, Trương vẫn nghe có tiếng nói
thân-yêu theo dõi chàng, tiếng đập lên và dội lại
như cái điệp-khúc của bài « Ly-cách ». Có khi chàng
thấy nàng đến cạnh miuh, hoặc khuyên-lơn, hoặc
âu-yếm... Lại một hôm, thấy tiếng gõ cửa, thì chàng

lại thấy Oanh-Oanh đẩy vào, chàng nói với Oanh-Oanh :

Có công lặn-lội thăm tìm,

Đêm khuya, sao chẳng mặc thêm áo giầy?

Hài thêu, sương ướt bùn lầy,

Bàn chân đi vội chắc xây da non?

Sự thương-yêu của một người đàn ông như thế thật là tỉ-mỷ, thật là không cùng. Nhưng, than ôi! đó chỉ là lời hỏi-han sự thương-yêu trong giấc mộng mà thôi. Rồi sau cuộc sinh-ly, là gì nữa..? Tác-giả đã bỏ bút vào hộp, như viên võ-tướng tra gươm vào vỏ. Sau quyền sách là sự lặng-lẽ, sự tịch-mịch của muôn đời... Không một lời nào nói về sự đoàn-tụ mà người ta ước mong, không một lời nào nói về người thiếu-phụ mà người ta muốn biết số-phận, không một lời nào nữa! Ta nên biết rằng: Thôi Oanh-Oanh là một cô gái nghìn vàng, lại là một bậc tuyệt-thể giai-nhân, trước kia đối với gã si-tình đương chiều chuộng để yêu cho được mình, thì nàng làm ra vẻ cao-nghiêm biết chừng nào, thế mà khi đã biết số-phận mình rồi, nghĩa là đã là người vợ của Trương Quân-Thụy rồi, thì lúc chàng ra đi, nàng chỉ đọc mấy câu :

Rẻ rúng thôi đành phận !

Van lơn nhớ buổi đầu...

Xin đem lòng lúc trước.

Thương lấy kẻ về sau.

(Tây-Sương-Ký)

Thật là giọng một kẻ biết thân-phận mình, thân-phận một người vợ trong xã-hội Á-đông, một người phục-tòng, một người khốn-khổ. Mà số-phận khắt khe của nàng, đến đoạn cuối này chỉ mới là bắt đầu vậy.

Ý hẳn người viết ra muốn bảo rằng: *Tây-Sương-Ký* không phải là một tấn kịch của một người nào, hay của một nhà nào.

« *Tây-Sương* » chính là một tấn kịch vô-hồi, diễn đi và diễn lại trong đời người ta, một tấn-kịch của mọi người, của mọi nhà, của mọi đời.

Ở phương Tây, kịch *Roméo và Juliette* còn sống mãi, thì kịch *Tây-Sương-Ký* ở phương Đông cũng còn chưa chết trong lòng người. Thật là một con thuyền đã cắm neo ngoài dòng thời-đại! Thôi Oanh-Oanh ở trong lòng mọi người đàn-bà, Trương Quân-Thụy ở trong lòng mọi người đàn ông. Trương và Thôi không phải là giống riêng, do một hời-đại nào tạo nên, một xã-hội nào sản xuất ra cả.

Lý Trác-Ngô trong bài « Tựa *Tây-Sương-Ký* » có nói.

« Việc viết văn, để tắc lòng lại nghìn sau, đáng thương biết mấy. » Nhưng ta là người sau, chợt tìm thấy mình, cái hình-ảnh mình, trong một áng văn, ở một vài nghìn thu trước, việc ấy cũng đáng cảm-động, đáng mừng, đáng sung-sướng biết bao nhiêu. Cái thú-vị đọc « *Tây-Sương-Ký* » ở chỗ đó vậy.

LƯU-TRỌNG-LƯ

GIÓ

NỬA tháng nay, gió heo-may nổi lên rất nhiều. Những cây sấu trồng ở địa thông-cù nơi thành-đô đổ lá cứ rào rào. Mỗi buổi sớm hiu hắt, đám phu Lục-lộ tha hồ mà quét hót, mỗi xe rác chứa có đến một phần ba lòng xe lá sấu vàng rụng

. . . Một sớm ấy, cái đám ma đi từ cổng sau nhà thương Phủ Doãn ra, có một điệu kèn nghe mới lạ quá. Đây là một điệu tân nhạc. Đây là một lời mời mọc. Đây là một bài ca lên đường. Lên đường về Hư-Vô. Một buổi sớm ấy, khi mà người ta đã không tin tưởng vào cái kỳ-thú của cuộc sống nữa, thì cái chết đã là một chân-lý không cần phải

chứng tỏ, Cái chết còn cho người ta tin rằng chết chỉ là bắt đầu một cuộc sống khác ở nơi khác. Tiếng kèn làm tôi say-sưa như một chén quan-hà không chờ đợi.

Gió lay mạnh, gấp đôi lại những tà câu-đối vải tây-cống nguyên vẹn màu nước hồ. Vải hồ phi-phạt với gió sớm hiu-hắt đuổi theo cái xe tang bao giờ cũng chậm-chạp kèn-càng.

Tôi đã ngà-ngà say vì tiếng kèn tống-biệt. Hôm nay có một người vừa lên đường. Trong không-khí khô nỏ, bài Xuân-nữ, đi nghe ròn tan. Người nhạc-công ráo cổ đánh rớt nước bọt vào ruột rằm kèn, tiếng kèn rè và đục mất một nhịp, và nấc lên và vít xoáy vào khoảng thu già.

Nhỡ-nhàng một tiếng kèn, tiếng trống bản vấp đến một khỗ. Rồi cái âm-nhạc lạnh và rít ấy lại đều đều mà đi, mà rớt từng giọt với thối vàng rụng xuống.

Trên con đường nhựa khô sạch, dẫn xuống nghĩa trang ngoài thành-đô, gió heo thối lá sấu rụng, thối thối vàng hồ rắc, thối tắt nển thất-tinh xe dư, thối bát cơm trứng dưa bông đi hơi đã từ lâu, thối lật mấy dải mũ mấn nép trong lá màn phương-du.

Gió heo thối theo một chiếc quan tài; gió heo còn tọc-mạch đến chuyện lòng người còn lại. Mỗi một hạt bụi của gió heo gửi về, phả vào mặt, là cả cái thú-vị buồn rầu của những cái gì phải mòn mỏi, phải phô-pha, phải tan rữa.

Mấy bữa nay, nút lọ dầu quất-thần, có một hương-vị êm-ái và quyến-rũ.

Ốm được rồi chẳng ? Ốm được, kẻ cũng là một cách để tạm yên thân. Cũng như chết là một cách để yên thân hẳn.

Chiều hôm nay gió heo-may nổi lên mạnh.

Chiều hôm trước, gió heo mới về, tiếng gió còn là rĩ-rền thôi. Buổi tối bữa thu non ấy, xồng nhà trọ, ra đường, một đoàn người truy-hoan đã lôi tôi xuống phố Khâm-Thiên. Thu đã lại, phải đi nghe ngâm Tỳ Bà. Trong gian nhà hát, một đêm ráo hoảnh, tiếng đàn vô-đề-cầm ngân vang và trong-trẻo. Không-khí gian gác rung lên như pha-lê. Tiếng đàn đây không ứng như mọi đêm trước. Người kích-cổ cũng bằng lòng. Tôi cũng bằng lòng. Người kếp cũng bằng lòng. Rồi tôi ướm roi. Người nghệ-sĩ khuất nhục ấy, sau khi bấm đến chỗ dựng đã hấn cả ngón tay khô gầy trên mấy sợi giây đại, giây trung, đã nhoẻn miệng cười. « Thừa ông tiếng trống của ông hôm nay có khoan-hồng hơn. Ông không riết-ráo, khắc-khổ như mọi ngày. » Phải, người kếp có tuổi ấy nhận đúng đấy. Ít ngày nay, tôi là một người quảng-đại. Cái-độ lượng ấy, tôi đã đem cả vào buổi hành-lạc, Cái người biết mình sắp ốm, cái người thấy tinh-thần và thể-xác mình dễ dề những bệnh tật, phiền-não là một người biết thương kẻ khác, hay tha thứ cho những lầm lỗi xảy ra chung quanh mình.

Rồi trong nhà hát đã vẳng tiếng cười, đã thừa câu cợt nhả, tiếng một sợi giây đàn cò đứt đánh phụt mạnh quá, làm rung cả toàn bộ kim-thanh ghim trong bụng cây đàn nguyệt. Không-khi vẫn trong như pha-lê lại rung lên, lại ngân lên nữa. Trời cứ thế về sáng mà khô thêm mãi. Gió heo lửa qua những kẽ cửa gỗ khô nẻ, nghe càng rì-rầm. Lá ngoài đường đổ xuống rào-rào như mưa mau hột. Người con hát, chừng cảm thấy cái lạnh của mùa đã dồn dập về, ngồi nhích mãi lại cạnh tôi và thuận tay, đã tìm và đòi nhờ hộ những sợi tóc bạc trong mái tóc của tôi đã ngả màu. Cái màu muối và hồ-tiêu trộn lẫn. « Đầu anh nhiều tóc bạc lắm. Phải nhờ đi. » đó đã hẳn ! Biết rồi ! Trong vòng ba-mươi tuổi đầu ai có muốn già làm gì, ai muốn giữ lấy ở trên đầu mình mà làm gì những hòn đá đầu tiên ấy của ngôi mộ. Nhưng mà không tôi đã gạt tay đào-nương và tàn-nhân cám ơn nàng bằng lời khước-từ chẳng văn-hoa. Tay nàng đẹp. nhẹ - nhàng, mềm - mại, nhưng uổng thay ! lại thiếu mất cái thơm sạch ...

Tôi đã bỏ nhà hát ra về tôi đã bỏ lại bên phao đèn dầu lạc cạn người con hát nằm co-ro, lấy vạt áo đắp kín hông thay mảnh chăn cù. Trên đường, gió heo thổi vù-vù. Nhựa đường phố khô lắm. Ngay những đầu ngã ba ngã-tư có máy nước mà đường cũng khô ráo. Ruột cây sấu heo hắt vì lớp quả đang cho một mùa, ruột cây sấu hết nhựa không giữ lại được những chiếc lá già xanh lia khỏi cành. Lá xuống

khô nhẹ, khép-nép ; nhưng đột gió heo-may gạt lá
cuộn tròn xuống hai bên rãnh, xua đuôi lá tiếng nghe
mau và gắt-gao quá. Cái giống gió là một giống tối
vô-tình

NGUYỄN-TUÂN

VĂN NGHỆ

Đối với văn chương người ta thường có cái quan niệm là: xem văn-chương như một trò chơi, nhà văn-sĩ như một người thừa vậy.

Hai chữ văn-sĩ lắm lúc thành ra một tiếng khinh bỉ dùng để chỉ một hạng người vô dụng, ăn hại, không làm nên gì, trong xã-hội không đáng có một địa vị gì hết.

Ngay từ hồi trong nước còn sùng thượng cái học từ chương và cái thiên chức thiêng liêng của nhà văn sĩ: Các cụ ta xưa những lúc cùng năm ba anh em, ngắm bóng trăng lấp lánh trên giòng nước, cao hứng có ngâm một vài câu thơ Đường, thơ Tống chẳng qua cũng chỉ cho là một cách tiêu khiển mà thôi.

Còn nói gì bây giờ : đến cái địa vị nhỏ mọn là một vật tiêu - khiển văn thơ cũng không giữ được mà phải nhường chỗ cho bao nhiêu món tiêu-khiển khác.

Tôi dám chắc rằng quan - niệm ấy rất lầm lạc.

Xét cho cùng, mục - đích rõ rệt nhất, dễ tin nhất của sự sống ấy cũng là sự sống mà thôi. Nếu ta vứt hết những lý - thuyết viển vông, khó hiểu của triết học cùng những lời quyết - đoán vu vơ, không đâu của tôn giáo, thiết tưởng con đường ta nên đi tất nhiên phải thế này : làm thế nào cho cái đời ta và cái đời những người chung quanh ta ngày một đầy đủ thêm, dồi dào thêm, đẹp đẽ thêm.

Hãy khoan nói đến ảnh hưởng văn chương về xã-hội, chính trị, đạo đức v.v. chỉ nói về phương diện trên này, là phương diện quan hệ hơn hết, cái công của văn chương thực vĩ đại. Nhà văn-sĩ làm cho ta hiểu những điều ta chưa hiểu, gây cho ta những tình cảm ta không có, luyện những tình cảm ta sẵn có, nói tắt lại là **Giúp ta sống một cuộc đời rộng - rãi hơn, thâm - trầm hơn**. Nay ta thử tưởng tượng nếu lúc bé bắt hạnh ta không được đi học, không được xem những văn-thơ ta đã xem thì tình cảm của ta nó sẽ ít đi là nhường nào. Không nhờ văn chương thì ta làm sao hiểu được cái thi-vị tàng ẩn trong hết thảy mọi sự vật ở đời?

Ánh nắng chiều tuôn trên đồng lúa xanh, tiếng gió kêu trong khe cửa, tiếng gà gáy giữa một buổi trưa mùa hạ, biết bao nhiêu của báu cái tâm hồn mộc mạc người dân quê bỏ qua không biết đến. Không phải bầm sinh họ có kém gì chúng ta đâu. Chỉ khác ở chỗ cái khiếu thẩm mỹ tự nhiên của họ không được chau dồi đó thôi.

Trước những cái đẹp vô cùng của vũ-trụ cũng như trước mọi sự xấu xa, nhà văn-sĩ khéo làm cho ta cảm-động mà nhất là khéo làm cho ta thêm lòng thương người, mến đời.

Nhà làm văn chẳng những tìm ra cái đẹp mà lại thường tạo cái đẹp như Tào-Hoá vậy. Chính vì thế mà văn-thuật có tinh cách thiêng liêng.

Tâm - hồn một nhà văn - sĩ hoàn - toàn, ví như Shakespeare, thực là thu cả một thế giới, hùng hồn có, tâm lý có, ôn tồn có, dịu-dàng có, không thiếu một vẻ gì, lúc ngây ngô trong sạch như một cô gái mười lăm, mười sáu tuổi, lúc vẫn vơ, mơ màng như một chàng thiếu - niên tự biết mình vô lực trước những cái nghĩa vụ nặng nề, lúc khảng khái như một vị tướng quân, lúc ê - chề đau đớn như một người phạm tội.

Một tâm hồn như thế là một vật quý vô ngần, dầu lấy muôn ngàn tâm hồn khác đúc lại cũng không được nếu trong pho lịch xử loài người mà xóa các bậc thi - nhân, văn - nhân, thì cái cảnh tượng

nghèo-nàn sẽ đến nhường nào hẳn ai cũng rõ ? Trăm ngàn người tầm thường như ta có thiếu đi, chẳng hại gì ; chớ một ông NGUYỄN-DU mà thiếu đi, thực là thiếu nhiều lắm.

Mong rằng người xem văn sẽ hiểu, trọng thiên chức của mình hơn. Nhất là một nước như nước ta bây giờ, ảnh hưởng nhà làm văn có thể to lớn lắm. Thiếu-niên ta phần đau đớn cho hiện tại, phần lo sợ cho tương-lai, phần không đủ tin ở tài lực của mình, của chủng tộc mình. Thiếu niên ta cần phải có người an-ủi, dắt dìu, sao cho biết rằng: Tài năng chủng-tộc Việt-Nam chưa đến nổi tuyệt-diệt vì còn có người hiểu cái hay cái đẹp ở đời.

HOÀI THANH

SƠ'N NHÂN VỚI BẢO CHỈ

Đọc cuốn sách này, thấy cái dấu tiến bộ trong cõi văn nghệ ta vài mươi năm nay rõ ràng lắm. Muốn đo cái trình-độ tâm linh, tình cảm, cả đến thiên tài nữa từ từ của bọn tác-gia. : Nguyễn - khắc Hiếu, Hoàng-ngọc-Phách cho đến Lưu-trọng Lư cách bao nhiêu, thì hãy đọc Giác-mộng-con, Tổ-tâm cho đến Người-Sơn-nhân mà đo xem cái văn-phẩm và cái văn-tánh xa cách nhau bao nhiêu. Hay là tôi cũng có thể nói rằng: « Hết thấy từ Giác-mộng con cho đến Nửa chừng xuân đều là những tác-phẩm đề thúc kết cho cõi tư-tưởng của văn nghệ cũ; còn Người-Sơn nhân là tác phần đề mở đầu cho cõi tư-tưởng của văn nghệ mới. Thật thế, tôi không còn hồ-nghi gì nữa, tôi cả quyết mà nói : Văn nghệ xứ ta có tiến bộ rồi ; cuốn sách Người Sơn nhân của Lưu-trọng-Lư là khai một cái kỷ nguyên mới cho văn nghệ xứ ta. Trước kia không kể, kể chừng vài mươi năm trở lại đây, là cái thời kỳ quốc ngữ đã thịnh hành, tư trào mới đã thâm nhập những sách thuộc về văn nghệ của xứ ta ra đời cũng đã nhiều. Lại những cuốn nào tầm thường cũng không kể ; kể mấy cuốn đã được xã hội hoan nghinh như « Khố tình con » của Nguyễn-khắc Hiếu, « Tổ Tâm » của Hoàngngọc Phách, « Mảnh trăng thu », « Kim anh lệ sử » cho đến « Nửa chừng xuân », tiểu thuyết lừng lẫy tiếng

tầm trên báo Phong-hoá của Khái-hưng : cả bọn ấy nếu đem đo với « Người Sơn nhân » hẳn thấy khác nhau xa lắm.

Tôi nói « khác », chứ không nói hơn kém. Mà thật thế, ta khoan nói cái hơn kém là cái thuộc về phẩm của văn, hẳn rồi cái « khác » là cái thuộc về tính của văn, cũng đã đủ thấy cái giá trị thật của « Người Sơn nhân » rồi vậy.

Những sách vừa kể trên đó, nội dung của nó thế nào ? Hoặc tô điểm cho ái tình là thánh thần ; hoặc khống cáo cả tội trạng của xã-hội, hoặc đau nỗi nhân duyên trắc trở ; hoặc khóc người bạc mạng long đong ; có vẻ lãng mạn nhất là Khỗi tình con, thì cũng tại chỉ cay vì thân thể nổi chìm, xót vì tri âm cách biệt : cái nội dung ấy nếu bảo là sự thực thì quả là sự thực, nhưng cái sự thực có hơi thường.

Muốn cho khỏi thường, tôi không bảo họ phải viết như Phong-thần hay Tây-du. Trước kia tôi cũng như người ta, khi đọc những tiểu thuyết ấy, tôi cũng thấy đẹp, thấy hay, thấy cảm ; có điều từ hôm đọc « Người-Sơn nhân » rồi, tôi tì ấy ra trong vòng sự thật chẳng phải là chẳng có cái khác thường, tôi muốn hỏi các tác giả kia : sao không hề tả ra mà ún vào óc tôi cái khác thường ấy ?

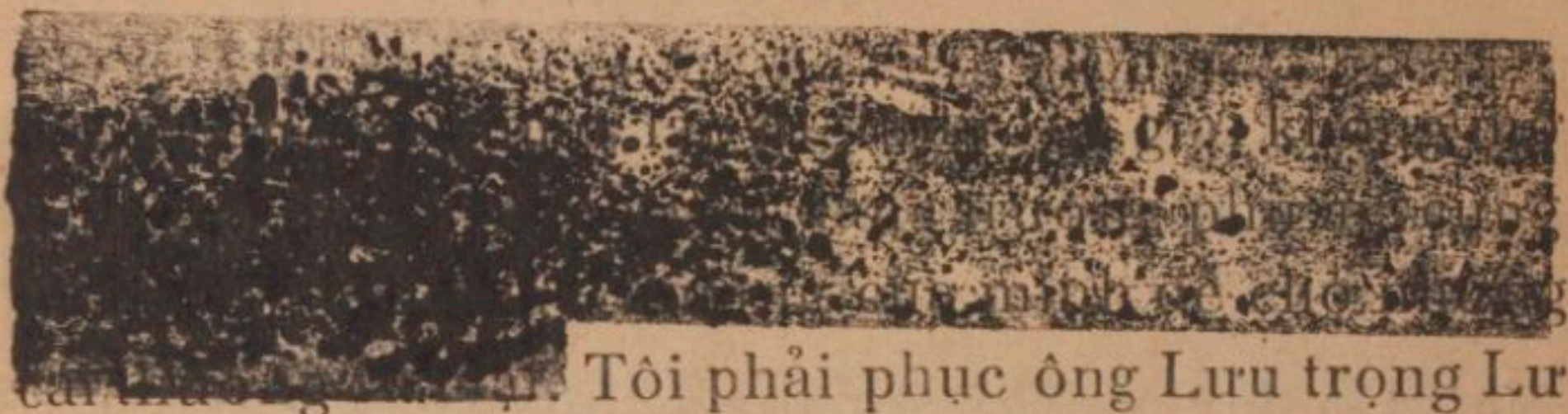
« Người-Sơn nhân » chuyện một người bạn đầu theo bọn giặc thất bại, vào ở núi làm kẻ cướp. Đã có một lần bị bắt rồi lại trốn về ở núi như xưa.

Truyện kết-cấu bởi một người cố đạo đi tìm mỏ, vào núi đó, gặp người ấy, hai bên đàm-đạo cùng nhau mà thành. Có thể gồm đại-ý của tác giả ở một đoạn kết :

«Nói đến đây, người cố-đạo sẽ nhìn trông-trọc lấy cái khẩu súng hai lòng của mình, hai hàng lệ bỗng dưng tuôn ra như suối. Người cố đạo khóc, vì đến bây giờ mới nhận thấy rằng mình là kẻ đầy những tư tưởng nhân-đạo hoà bình, mà trong mình nào đã sạch hết máu giết người ! Cái khẩu súng hai lòng kia tuy chưa hề dùng nó để mà giết ai, nhưng mà ví bằng Thượng-đế thấy nó, trong tay một kẻ truyền-đạo thì tưởng cũng phải đau buồn cho cái thế-giới mình đã tạo ra ! ... »

Đó tuy là ý chính, song-le mấy đoạn trên nhiều chỗ tả cách cử chỉ, lời nói năng của Sơn-nhân cũng rất là quan trọng. Đọc đến, ta như thấy trước mặt ta đứng một người vạm vỡ, dữ tợn, tàn nhẫn mà lại thật thà, thẳng thắn, biết trọng danh dự lại rất mực khinh đời.

Cái khác thường của « Người sơn nhân » ở đây. Không tả sự chìm nổi, không hờn duyên trách phận, không nhớ hã thương huyền, chỉ vẽ ra đường đường một đấng trượng phu cho chúng ta



Tôi phải phục ông Lưu trọng Lư là người thứ nhất đã dạn mà lại nhanh mắt, bắt đầu chỉ cho ta trông thấy một đấng trượng phu.

PHAN-KHÔI

P. N. T. Đ.

..

..... Cốt truyện thật là hoàn toàn thoát ly phạm-vi khuôn sáo cũ, nghĩa là không lấy ái-tình làm việc làm của các vai chủ động ... Cái đặc sắc của « Người Sơn - nhân » là ở đó, vì giữa lúc tinh thần người ta bị ủy-mỹ bởi những chuyện tình mơ mộng, nó hốt nhiên đến phấn-khởi cái tâm trí của những người bị ma tình ám ảnh

THÁI-PHỈ

(Ngọ-Báo)

..

..... Tôi đọc truyện « Người Sơn-nhân » có cái cảm giác đương ở chỗ ao đầm mà thốt nhiên được lên trên đỉnh núi cao, ngắm cái cảnh mênh mông bát ngát, thở cái không khí trong sạch mới mẻ

..... Trong « Con chim sổ lồng » thì lại lấy một lối văn thiết thực tả một mảnh đời hiện tại, cái đời hằng ngày mà muôn nghìn người

sống trước mắt mình mà mình vẫn không để ý đến... Ta đọc chuyện này; phảng phất như nghe cái giọng của tác-giả những quyển Contes du Lundi và Lettres de mon Moulin.....

(Thanh-Nghệ-Tĩnh tân văn)

..... Tác-giả lấy trí tưởng tượng hòa với sự thực tạo ra một người có tâm tính lạ in mãi trong trí ta không sao quên được. Sơn-nhân không giống ai hết hay nói cho đúng ra, Sơn-nhân giống hết thầy mọi người. Sơn-nhân tức là cái phần khí-khái trong tâm hồn mỗi chúng ta, cái lòng tự cao, cái máu giết người chung đúc lại mà hiện hình ra. Trong cái tâm tính Sơn - nhân có cái gì hơi giống như cái quan niệm siêu-nhân của Nietzsche.

V.H.T.C.

Lời tác-giả phân trần với báo Monde...

....« Người Sơn-Nhân » est simplement une œuvre d'imagination conçue dans un de ces moments où, lassé des banalités désespérément quotidiennes, on sent le besoin plus ou moins impérieux de vivre — ne fût-ce qu'un instant — une vie autre.

Je n'ai nulle intention de prêcher une doctrine philosophique ancienne ou nouvelle. J'ai voulu plus modestement m'offrir et offrir à mes lecteurs non pas l'exemple mais le spectacle d'une vie étrange dans l'atmosphère d'une nuit tropicale au sein de forêts épaisses.

Une évasion, si vous voulez, hors des réalités au milieu desquelles nous nous mouvons tous les jours. Mais évasion momentonnée et parmise, je crois même à ceux qui sont résolus à mener une vie de travail et de lutte,...

LUU-TRONG-LU

...

La figure du Sơn-nhân, cet ancien partisan de Đê-Trực, repris de justice en rupture de ban, pirate de son état et éleveur de fauves par vocation, dont la plus grande joie est de tuer et qui, jusque dans sa geôle, trouve le moyen d'assouvir son instinct sanguinaire en écrasant un pauvre petit lézard, demeure une des créations les plus fortes qui soient nées de l'imagination de nos écrivains.

L'impression que gardera le lecteur est plutôt triste, naturellement nous revenons à la mémoire ces vers désabusés de Michel Vasson :

Pauvre cœur qu'un mirage impossible fascine !

Tu ne chasseras pas ta lointaine origine :

Le sang qui le remplit est celui de Cain.

Mirage : nos rêves de fraternité humaine ! Mirage : la justice, le droit, la paix ! Mirage et mensonge !... Ce prêtre à qui Sơn-nhân fait le récit de ses crimes, cet homme de Dieu qui prêche l'amour et le pardon n'a-t-il pas failli verser le sang de son interlocuteur ? Ne le voit-on pas laisser tomber son arme de désespoir et pleurer comme un enfant le sang de Cain qui lui est resté dans les veines ?

(France-Annam)

Bây giờ đứng về mặt văn - chương mà nói, thì «Người Sơn-nhân» lời lẽ rõ ràng giản - di, hơi văn khảng-khái hùng - hồn, rất hợp với tính - cách của một kẻ chí - khí tài - năng, của một tên «kép núi» trong tuồng cổ.

Lắm lúc đọc lên nghe như búa bổ, như gậy phang, như máu rơi, răng gãy.....

Gia-dĩ lại lột sạch cả các thành-ngữ sáo, vô - ý - thức nó cho câu văn kêu lên như trống mà ý nghĩa nó lại rộng-tuếch như cái thùng.....

TRẦN-THANH-MAI
(Rạng-Đông)

..

..... C'est un recueil de contes à la fois philoso -
phiques et poétiques et de poèmes « en vers libres »...

..... Ces contes sont rédigés dans un
style très original où se remarquent beaucoup de termes
de terroir.....

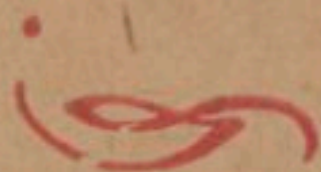
..... Le mérite de l'auteur est selon
nous, d'avoir voulu réformer notre ancienne prosodie...

(Union Indochinoise)



Sách này in tại nhà in
VAN-LAM 2.500 cuốn
giấy phượng - hoàng
và 2 cuốn giấy gió
đánh dấu T và L

THU VIÊN TÔ-NHU



DO TRUNG-LẬP XUẤT-BẢN VÀ PHÁT-HÀNH

**Xuất bản những sách cáo-luận
thơ ca, kịch-bản và tiểu-thuyết**

Sách đã xuất-bản :

- | | |
|--------------------------------|-------|
| I. — Sơn nhân của Lưu-trọng-Lư | 0\$35 |
| II. — Tản văn mới... | 0\$38 |

Sẵn in xong :

Xỉa rằng cọp của Ngụy-bích-San
Tiếng thu (tái bản) của Lưu-trọng-Lư
tựa của Hoài-thành

Sẽ xuất bản :

Ly tao của Nhượng-Tổng dịch
Hồng lâu mộng của Nhượng-Tổng *dịch*
Bến không thuyền tùy bút của Lưu-trọng-Lư

Thư từ mandat gửi về : Ông Ngô-huy-Long
Directeur Editions TRUNG-LẬP
7bis, Ngõ - Ngang (Takou) — Hanoi